

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ YÊN HÒA

**TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI
DO THIÊN TAI NĂM 2025 THÔN BẮC HÒA**

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Tổng số gia cầm bị thiệt hại (con)	Trong đó		Kinh phí hỗ trợ (đồng)
			Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bò câu)		
			Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	
1	Nguyễn Thị Nguyệt	300		300	11,400,000
2	Nguyễn Thị Lộc	150		150	5,700,000
3	Nguyễn Thị Mỹ	200		200	7,600,000
4	Nguyễn Thị Minh	15		15	570,000
5	Nguyễn Thị Phương	60		60	2,280,000
6	Trần Thị Lý	30		30	1,140,000
7	Trần Thị Thế	20		20	760,000
8	Trần Thị Hải	20		20	760,000
9	Trần Thị Lựu	250		250	9,500,000
10	Trương Thị Liễu	50		50	1,900,000
11	Phan Thị Diện	150		150	5,700,000
12	Trần Thị Thủy	300		300	11,400,000
13	Trần Văn Nga	1400	1000	400	37,200,000
14	Trần thị Hoa	140		140	5,320,000
15	Phan Thị Hà	154		154	5,852,000
16	Nguyễn Thị Tuyên	202		202	7,676,000
17	Trần Văn Việt	310		310	11,780,000
18	Phạm Văn Tâm	320		320	12,160,000
19	Phan Thị Chung	500	500		11,000,000
20	Nguyễn Thị Hồ	70		70	2,660,000
21	Đậu Thị Thủy	15		15	570,000
22	Trần Văn Tuệ	180		180	6,840,000
23	Nguyễn Thị Độ	150		150	5,700,000
24	Nguyễn Thị Tuyết	200	200		4,400,000
25	Trần Văn Phùng	250	200	50	6,300,000
26	Hồ thị Hải	150		150	5,700,000
27	Phạm Thị Tứ	60		60	2,280,000
28	Trần Văn Ngự	200		200	7,600,000
29	Nguyễn Đình Hiền	220		220	8,360,000
30	Phạm Như Khoách	38		38	1,444,000
31	Trần Văn Kim	115		115	4,370,000
32	Phạm Thị Nông	300		300	11,400,000
33	Nguyễn Thị Ngọc	150		150	5,700,000
34	Nguyễn Thị Sinh	205		205	7,790,000
35	Trần Văn Trường	315		315	11,970,000
36	Trịnh Thúc Học	415		415	15,770,000
37	Nguyễn Thị Tuyền	668		668	25,384,000

TT	HỌ GIA ĐÌNH	Tổng số gia cầm bị thiệt hại (con)	Trong đó		Kinh phí hỗ trợ (đồng)
			Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu)		
			Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	
38	Trịnh Thúc Cự	710		710	26,980,000
39	Nguyễn Đình Cơ	280		280	10,640,000
40	Trần Vĩnh Hương	815		815	30,970,000
41	Trần Vĩnh Huyền	215		215	8,170,000
42	Nguyễn Đình Việt	500	500		11,000,000
43	Trần Vĩnh Dũng	150		150	5,700,000
44	Trần Thị Ngân	32		32	1,216,000
45	Nguyễn Thị Xuân	60		60	2,280,000
46	Nguyễn Thị Phượng	62		62	2,356,000
47	Trần Vĩnh Dũng	81		81	3,078,000
48	Trần Vĩnh Hùng	99	99		2,178,000
49	Trần Vĩnh Huyền	170	170		3,740,000
50	Trần Văn Phúc	200	200		4,400,000
51	Trần Văn Hùng	292	207	85	7,784,000
52	Nguyễn Thị Minh	43	24	19	1,250,000
53	Nguyễn Thị Lâm	75		75	2,850,000
54	Võ Thị Hiền	380	200	180	11,240,000
55	Nguyễn Đình Hiền	132		132	5,016,000
56	Trần Thị Thúy	82	20	62	2,796,000
57	Nguyễn Thị Thanh	630	500	130	15,940,000
58	Nguyễn Thị Ngọc	80		80	3,040,000
59	Trần Văn Phùng	115		115	4,370,000
60	Phan Thị Hương	80		80	3,040,000
61	Nguyễn Thị Cẩm	195	80	115	6,130,000
62	Trần Thị Quy	1312	1115	197	32,016,000
63	Trịnh Thúc Học	45		45	1,710,000
64	Trần Thị Lựu	140	105	35	3,640,000
65	Nguyễn Đình Trứ	563	215	348	17,954,000
Tổng cộng		15,810	5,335	10,475	515,420,000